TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN LẠC** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2018/HNGĐ – ST
Ngày 28- 9-2018
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Trang Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tạ Văn Đức

2. Bà Phạm Thị Phương Linh

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Duẩn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 197/2018/TLST – HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2018 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1998 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn C, xã B, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Bị đơn: Anh Phạm Văn H, sinh năm 1992 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn C, xã B, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 02 tháng 8 năm 2018 và lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Phạm Văn H kết hôn ngày 16/5/2016 được đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân. Sau khi kết hôn chị về làm dâu và sống chung

cùng gia đình anh H. Tình cảm vợ chồng thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc. Được khoảng một năm thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H thường xuyên chơi bời, tụ tập bạn bè uống rượu rồi về nhà gây sự đánh chửi chị. Chị đã nhiều lần khuyên anh H nhưng anh không thay đổi, do không thể chịu đựng được anh H nên giữa tháng 7 năm 2018 chị phải bế con về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không còn quan tâm và liên lạc gì với nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn được nên chị xin được ly hôn với anh H.

Bị đơn anh Phạm Văn H vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình giải quyết vụ án anh H trình bày: Anh thừa nhận về thời gian kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống như chị T trình bày là đúng. Sau khi kết hôn chị T về làm dâu và sống chung cùng gia đình anh, thỉnh thoảng vợ chồng có xảy ra xô sát nhưng chưa đến mức trầm trọng. Từ tháng 7 năm 2018 chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Tại buổi hòa giải ngày 15 tháng 8 năm 2018 anh H có nguyện vọng xin được đoàn tụ vợ chồng, vì anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng. Anh đề nghị Tòa án tiếp tục hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ cùng nuôi dạy các con.

Về con chung: Cả chị T và anh H đều thừa nhận vợ chồng có hai con chung là Phạm Gia B, sinh ngày 10/4/2016 và Phạm Bảo A, sinh ngày 10/5/2018. Hiện cháu B đang ở với anh H còn cháu A đang ở với chị T. Ly hôn chị T có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A và để anh H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu B. Chị và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Phía anh H trình bày nếu trường hợp ly hôn xảy ra anh có nguyện vọng xin được nuôi cả hai con và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung, tài sản riêng, khoản vay, cho vay, đất canh tác và công sức đóng góp: Cả chị T và anh H đều không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị T vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn và giải quyết về con chung. Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tại phiên tòa sơ thẩm: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố

tụng dân sự; Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách của người tham gia tố tụng, thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và bảo đảm thời hạn chuẩn bị xét xử cũng như chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị giải quyết về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn anh Phạm Văn H, nhưng anh H vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn anh Phạm Văn H có địa chỉ ở: Thôn C, xã B, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc vào ngày 16/5/2016 là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Qua xác minh tại địa phương nơi chị T và anh H đang sinh sống thể hiện: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, hai bên thường xuyên xảy ra xô sát, đánh chửi nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2018 đến nay. Nay chị T làm đơn xin ly hôn anh H, chính quyền địa phương không có ý kiến gì và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Việc chị T làm đơn xin ly hôn anh H vì thấy rằng quá trình chung sống vợ chồng không có hạnh phúc, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Từ tháng 7 năm 2018 đến nay anh chị sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc và liên lạc gì với nhau. Tại buổi hòa giải ngày 15/8/2018 anh H

xin được đoàn tụ và đề nghị Tòa án tiếp tục hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ cùng nuôi dạy các con. Tuy nhiên, tại buổi hòa giải ngày 24/8/2018 Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhưng anh H vắng mặt không lý do. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị T trình bày, từ khi chị về nhà bố mẹ đẻ sống anh H không có biện pháp gì để cải thiện quan hệ vợ chồng. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh H đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân một thời gian không còn quan tâm, chăm sóc nhau trong cuộc sống. Do đó, căn cứ vào Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[4] Về con chung: Cả chị T và anh H đều thừa nhận vợ chồng có hai con chung là Phạm Gia B, sinh ngày 10/4/2016 và Phạm Bảo A, sinh ngày 10/5/2018. Hiện cháu B đang ở với anh H còn cháu A đang ở với chị T. Ly hôn chị T có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A và đồng ý để anh H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu B. Chị và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Phía anh H trình bày nếu trường hợp ly hôn xảy ra anh có nguyện vọng xin được nuôi cả hai con và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Xét nguyện vọng xin được nuôi một con chung là cháu A của chị T và xin nuôi cả hai con chung của anh H là hoàn toàn thực tâm. Do các bên không thỏa thuận được về việc nuôi con, khi quyết định giao con cho một người chăm sóc, nuôi dưỡng phải xem xét đến điều kiện thực tế, căn cứ vào quy định của pháp luật và quyền lợi về mọi mặt của con để quyết định giao cho bố hoặc mẹ. Do vậy, giao cho chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu A. Giao cho anh H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bảo là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị T và anh H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, các khoản vay và cho vay chung của vợ chồng: Chị T và anh H không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Phạm Văn H.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Bảo A, sinh ngày 10/5/2018. Giao cho anh Phạm Văn H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Gia B, sinh ngày 10/4/2016. Chị T và anh H không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở, gây khó khăn.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, các khoản vay và cho vay chung của vợ chồng: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số: AA/2017/0000460 ngày 08 tháng 8 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân huyện Yên Lạc;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã B;
- Lưu HSVA; Văn phòng.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Trang Nhung